

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18-3-2025

“V/v Ly hôn giữa chị Th và anh T”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm 6, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm 6, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị Th, anh T xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 12 năm 2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 13-01-2003 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, êm ấm tại xóm 6, xã Hải Tân đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tháng 4 năm 2021 chị Th phát hiện anh T có nhắn tin yêu đương qua zalo với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng luôn to tiếng và không thể nói chuyện được với nhau. Từ tháng 5 năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay

chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Thanh H, sinh ngày 29-5-2004, cháu đã thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết; cháu Trần Gia B, sinh ngày 02-01-2011 đang ở cùng chị Th. Khi ly hôn, chị Th đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai anh Trần Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Th có quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân như chị Th đã trình bày. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên anh T nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Thanh H, sinh ngày 29-5-2004, cháu đã thành niên và cháu Trần Gia B, sinh ngày 02-01-2011 như chị Th đã trình bày. Vì hiện nay anh T đi làm xa, không thường xuyên ở nhà, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con nên anh T nhất trí để chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng, anh T sẽ tự có trách nhiệm với con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị Th và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị Th và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ngày 13-01-2003. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và B vệ. Quá trình chung sống, do chị Th đọc được tin nhắn từ điện thoại của anh T nhắn cho người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Th thì thấy: Chị Th và anh T đều thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và từ tháng 5-2021 đến nay vợ chồng đã sống sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Trần Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Gia B và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị Th thì thấy: Hiện nay cháu B đang ở cùng chị Th, vì anh T thường xuyên đi làm xa nên cháu B cũng có nguyện ở với mẹ; anh T cũng nhất trí để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu B nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị Th, giao cháu Trần Gia B cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Th là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị Th và anh T đều đề nghị hai người tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Th phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Trần Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 02-01-2011 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Th và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. (Cháu B đang ở với chị Th).
3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Th và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly

hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000295 ngày 26-12-2024 của Chi cục thi thi án dân sự huyện Hải Hậu; chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã Hải Tân: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái